CÔNG TY CỔ PHẦN **MÁY – THIẾT BỊ DẦU KHÍ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 075/QĐ/MTBĐN-HĐQT	*Đà Nẵng, ngày 28 tháng 7 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH

về việc ban hành sửa đổi, bổ sung Quy trình Công bố thông tin của Công ty cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY – THIẾT BỊ DẦU KHÍ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 073/NQ/MTBĐN-HĐQT ngày 28/7/2023 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng;

Xét đề nghị của Giám đốc Công ty tại Tờ trình số 067/TT/MTBĐN ngày 24/7/2023,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này **"Quy trình công bố thông tin của Công ty cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng".**

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho Quyết định số 123/QĐ-HĐQT ngày 31/7/2012.

Điều 3. Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các phòng chức năng Công ty chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- TV HĐQT, BKS;
- PGĐ;
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ ĐÀ NẴNG

Phan Trung Nghĩa

QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ ĐÀ NẴNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 075/QĐ/MTBĐN-HĐQT ngày 28 tháng 7năm 2023 của Hội đồng quản trị Công ty CP Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng)

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích

Quy trình này tạo chuẩn mực, trình tự trong việc triển khai thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng nhằm:

- Xác định trách nhiệm của từng Phòng, Ban và các cá nhân có liên quan trong việc cung cấp thông tin để công bố theo quy định.

- Đảm bảo tính nhất quán, chính xác các thông tin được công bố; phù hợp với yêu cầu của cơ quan quản lý và các quy định của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng và phạm vi áp dụng

1. Đối tượng áp dụng

- Người thực hiện công bố thông tin của Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng

- Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ;

- Trưởng các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Công ty;

- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Phạm vi áp dụng

Quy trình này quy định về công tác công bố thông tin trên thị trường chứng khoán của Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng theo quy định của pháp luật.

Điều 3: Căn cứ pháp lý

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

- Thông tư 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 16/11/2020 hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

- Quyết định số 606/QĐ-SGDHN ngày 29/9/2016 về việc ban hành Quy chế công bố thông tin tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội;

- Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 về việc ban hành Quy chế Công bố thông tin tại Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con;

- Điều lệ Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng ;

- Các văn bản pháp luật hiện hành và các quy định có liên quan.

Điều 4. Giải thích từ ngữ và viết tắt

1. Giải thích từ ngữ

- Công ty: là Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng ;
- Người nội bộ của Công ty là:

+ Thành viên Hội đồng quản trị;

+ Thành viên Ban kiểm soát;

+ Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

+ Kế toán trưởng;

+ Người đại diện theo pháp luật, người được ủy quyền công bố thông tin.

- Người có liên quan: là cá nhân hoặc tổ chức được quy định trong Luật Doanh nghiệp và Luật chứng khoán.

- Người được ủy quyền công bố thông tin: là Người được Người đại diện theo pháp luật ủy quyền công bố thông tin và được đăng ký theo quy định của pháp luật.

- Ngày công bố thông tin: là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin.

- Ngày báo cáo về công bố thông tin: là ngày gửi fax, gửi qua thư điện tử, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống công bố thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, phương tiện công bố thông tin của Sở giao dịch chứng khoán hoặc ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nhận được văn bản báo cáo tùy theo thời điểm nào đến trước.

- Tổ chức đăng ký giao dịch: là tổ chức có chứng khoán đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom của Sở giao dịch chứng khoán.

- Cổ đông lớn: là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

2. Chữ viết tắt

- ĐHĐCĐ:	Đại hội đồng cổ đông Công ty;
- HĐQT:	Hội đồng quản trị Công ty;
- BKS:	Ban kiểm soát;
- Phòng TH:	Phòng Tổng hợp;
- Phòng TCKT:	Phòng Tài chính kế toán;
- Website:	Trang thông tin điện tử của Công ty;
- UBCKNN:	Ủy ban chứng khoán nhà nước;
- SGDCKHN:	Sở giao dịch chứng khoán;
- BCTC:	Báo cáo tài chính;
- CBTT:	Công bố thông tin.

Điều 5. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Việc CBTT phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

a. Thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm số Thẻ căn cước công dân/số Chứng minh nhân dân hoặc số Hộ chiếu còn

hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, email, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng... chỉ được thực hiện nếu chủ thể liên quan đồng ý.

b. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung CBTT. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng CBTT phải công bố nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó;

c. Khi CBTT phải đồng thời báo cáo UBCKNN và SGDCKHN về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này và các đối tượng công bố thông tin không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi UBCKNN và SGDCKHN 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản không bao gồm thông tin cá nhân để Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán thực hiện công khai thông tin.

d. Trường hợp có sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán, Công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận biết được về sự kiện, thông tin đó hoặc theo yêu cầu của UBCKNN, SGDCKHN;

e. Việc công bố thông tin phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện.

2. Công ty phải có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã báo cáo, công bố theo quy định sau:

a. Các thông tin công bố định kỳ phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ trên trang thông tin điện tử của đối tượng CBTT tối thiểu là 05 năm.

b. Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng CBTT trong tối thiểu 05 năm.

3. Ngôn ngữ thông tin công bố trên thị trường chứng khoán là tiếng Việt.

Điều 6. Người thực hiện công bố thông tin

Công ty phải thực hiện nghĩa vụ CBTT thông qua 01 người đại diện theo pháp luật hoặc 01 cá nhân là người được uỷ quyền CBTT.

- Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được uỷ quyền CBTT công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện CBTT mà cả người đại diện theo pháp luật và người được uỷ quyền CBTT đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện CBTT;

- Công ty phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về người thực hiện CBTT cho UBCKNN và SGDCKHN trong thời hạn 24h kể từ ngày việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện thay đổi CBTT có hiệu lực. Nội dung thông tin báo cáo về người thực hiện công bố thông tin bao gồm: Giấy ủy quyền công bố thông tin, bản cung cấp thông tin theo mẫu quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC.

Điều 7. Phương tiện công bố thông tin

1. Các phương tiện công bố thông tin bao gồm:

a. Trang thông tin điện tử (website) của Công ty;

b. Hệ thống CBTT của UBCKNN;

c. Trang thông tin điện tử của SGDCKHN, phương tiện công bố thông tin khác theo Quy trình của Sở giao dịch chứng khoán;

d. Trang thông tin điện tử của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

e. Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật (báo in, báo điện tử …).

2. Công ty phải lập trang thông tin điện tử theo quy định sau:

a. Công ty phải lập trang thông tin điện tử khi thực hiện đăng ký công ty đại chúng với UBCKNN, SGDCKHN; công khai trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này;

b. Trang thông tin điện tử phải có các nội dung về ngành nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp và mọi thay đổi tới các nội dung này; chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông, trong đó phải công bố Điều lệ Công ty, Quy trình công bố thông tin, Quy trình nội bộ về quản trị, Ban kiểm soát (nếu có), Bản cáo bạch (nếu có) và các thông tin công bố định kỳ, bất thường, theo yêu cầu và các hoạt động khác;

c. Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó;

d. Trường hợp nghĩa vụ CBTT phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật, Công ty thực hiện CBTT trên phương tiện theo quy định tại khoản 1 Điều này và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ CBTT theo quy định pháp luật sau khi ngày nghỉ, ngày lễ kết thúc.

e. Việc CBTT trên hệ thống CBTT của UBCKNN, trang thông tin điện tử của SGDCKHN thực hiện theo hướng dẫn của UBCKNN, SGDCKHN.

Điều 8. Tạm hoãn công bố thông tin

1. Công ty được tạm hoãn CBTT trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng như: thiên tai, hoả hoạn, chiến tranh và các lý do bất khả kháng khác. Công ty phải báo cáo UBCKNN, SGDCKHN về việc tạm hoãn CBTT ngay khi xảy ra sự kiện, trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn CBTT, đồng thời công bố về việc tạm hoãn CBTT.

2. Ngay sau khi khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Công ty có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Xử lý vi phạm

- Cá nhân có hành vi vi phạm các quy định CBTT trong Quy trình này và các quy định khác của pháp luật có liên quan đến việc CBTT thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà xử lý kỷ luật, xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây ra thiệt hại phải bồi thường theo quy định của pháp luật và Công ty.

- Việc xử phạt vi phạm được thực hiện theo quy định của Công ty và các quy định của pháp luật có liên quan

CHƯƠNG II: THẨM QUYỀN, QUY TRÌNH, NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 10: Quy trình công bố thông tin

1. Thẩm quyền xét duyệt, công bố thông tin

- Người đại diện theo pháp luật của Công ty là người có thẩm quyền và trách nhiệm cao nhất trong việc xét duyệt, CBTT.

- Người đại diện theo pháp luật của Công ty có thể ủy quyền cho người khác để CBTT nhưng phải đăng ký Người được ủy quyền CBTT với cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định.

2. Quy trình công bố thông tin

Trách nhiệm thực hiện	Quy trình	Mô tả chi tiết, tài liệu liên quan
Các Phòng chuyên môn TH, TCKT	Tiếp nhận thông tin cần công bố	Các phòng chuyên môn tiếp nhận thông tin cần công bố theo quy định, báo cáo người được ủy quyền công bố thông tin
Người được ủy quyền CBTT	Ký văn bản CBTT	Người được ủy quyền ký văn bản về nội dung cần công bố gửi các cơ quan quản lý có liên quan, đồng thời báo người đại diện theo pháp luật, Hội đồng quản trị Công ty.
Cán bộ liên quan đến việc CBTT trên hệ thống	Tiếp nhận văn bản cần CBTT	Đăng tải trên các hệ thống CBTT theo quy định
Các phòng chuyên môn và cán bộ liên quan đến việc CBTT trên hệ thống	Theo dõi, xử lý thông tin đã công bố	Sau khi gửi nội dung CBTT, cán bộ liên quan đến việc CBTT trên hệ thống phối hợp cùng các phòng chuyên môn theo dõi quá trình tiếp nhận và xử lý của cơ quan quản lý
Các phòng chuyên môn	Bảo quản và lưu trữ thông tin	Thông tin sau khi được công bố sẽ phải lưu trữ theo quy định

Điều 11: Các nội dung công bố thông tin

Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, các Phòng chuyên môn tiếp nhận thông tin cần công bố theo quy định, báo cáo người được ủy quyền CBTT xem xét, phê duyệt.

1. Công bố thông tin định kỳ

a. Báo cáo tài chính năm

- Công ty phải công bố BCTC năm đã được kiểm toán, BCTC phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.

- Công ty phải CBTT về BCTC năm đã được kiểm toán bao gồm cả báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính đó và văn bản giải trình của Công ty trong trường hợp tổ chức kiểm toán đã đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính.

- Thời hạn công bố báo cáo tài chính năm: Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

b. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập báo cáo thường niên theo mẫu quy định và công bố báo cáo này trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

❖ Khi công bố các BCTC trên, Công ty đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với kỳ báo cáo cùng kỳ năm trước;

- Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ hoặc chuyển từ lãi kỳ trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;

- Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.

Trường hợp Công ty là Công ty mẹ của tổ chức khác hoặc đồng thời là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng phải giải trình nguyên nhân phát sinh khi xảy ra các trường hợp trên, trên cơ sở báo cáo tài chính của Công ty mẹ hoặc báo cáo tài chính tổng hợp và báo cáo tài chính hợp nhất.

c. Báo cáo tình hình quản trị Công ty

Công ty phải công bố thông tin về báo cáo tình hình quản trị Công ty theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch.

d. Đại hội đồng cổ đông thường niên

- Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ thường niên, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và của UBCKNN, SGDCKHN về việc họp ĐHĐCĐ, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên gồm: Thông báo mời họp, mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp,

chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

- Tài liệu họp ĐHĐCĐ phải được đăng tải và cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho tới khi kết thúc ĐHĐCĐ.

- Trường hợp không tổ chức thành công ĐHĐCĐ lần thứ nhất, Công ty phải công bố về chương trình và thời điểm dự kiến tổ chức các cuộc họp kế tiếp, tiếp tục duy trì việc đăng tải và cho phép cổ đông tải tài liệu họp theo quy định trên cho tới khi tổ chức thành công ĐHĐCĐ.

- Trong vòng 24h sau khi tổ chức ĐHĐCĐ phải công bố các nghị quyết, quyết định và biên bản ĐHĐCĐ.

2. Công bố thông tin bất thường

Công ty phải CBTT bất thường trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau:

a. Tài khoản của Công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này;

b. Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;

c. Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của ĐHĐCĐ, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp ĐHĐCĐ thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải CBTT về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;

d. Quyết định mua lại cổ phiếu của công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán;

e. Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;

f. Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên công ty, con dấu của công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ

sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;

g. Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký;

h. Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết;

i. Quyết định của ĐHĐCĐ hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của công ty đại chúng;

k. Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết. Thời điểm CBTT thực hiện như sau:

Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu, tính từ thời điểm công ty báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;

Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm Công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ;

Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy trình phát hành cổ phiếu cho người lao động của Công ty hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông; công ty chứng khoán mua cổ phiếu của chính mình để sửa lỗi giao dịch hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ, Công ty CBTT trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày CBTT;

l. Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ. Đồng thời, Công ty gửi cho UBCKNN, SGDCKHN bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo theo mẫu quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC;

m. Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của Công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét. Trường hợp Công ty là Công ty mẹ thì căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất;

n. Khi nhận được quyết định khởi tố đối với Công ty, người nội bộ của Công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Công ty;

o. Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Toà án liên quan đến hoạt động của Công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế;

p. Công ty nhận được thông báo của Toà án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;

q. Trường hợp Công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính Công ty, Công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó;

r. Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Công ty;

s. Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.

t

3. CBTT về các hoạt động khác của Công ty

3.1 Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn

- Công ty thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn theo quy định pháp luật về chào bán phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán;

- Công ty huy động vốn để thực hiện dự án đầu tư, định kỳ 06 tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán cho đến khi hoàn thành dự án; hoặc cho đến khi đã giải ngân hết số tiền huy động được, phải báo cáo UBCKNN và CBTT về tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán. Trường hợp thay đổi các nội dung tại phương án sử dụng vốn, mục đích sử dụng vốn, trong vòng 10 ngày kể từ khi ra quyết định thay đổi các nội dung này, Công ty phải báo cáo UBCKNN và CBTT nội dung thay đổi trên trang thông tin điện tử của Công ty. Mọi thay đổi phải được báo cáo lại tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Công ty phải công bố báo cáo sử dụng vốn được kiểm toán xác nhận tại ĐHĐCĐ hoặc thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong báo cáo tài chính năm được kiểm toán xác nhận. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp Công ty chào bán cổ phiếu để hoán đổi các khoản nợ hoặc hoán đổi cổ phần, phần vốn góp.

3.2 Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

Công ty phải CBTT về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty mình và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên trang thông tin điện tử của Công ty, SGDCKHN, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và hệ thống CBTT của UBCKNN theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

3.3 CBTT về giao dịch mua lại cổ phiếu chính mình, bán cổ phiếu quỹ

- Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, Công ty phải thực hiện CBTT theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.

- Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong số kế toán giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và CBTT trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

4. CBTT theo yêu cầu

Trong các trường hợp sau đây, Công ty phải CBTT trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCKHN:

+ Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;

+ Có thông tin liên quan đến Công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.

Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDCKHN yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

5. CBTT về ĐHĐCĐ bất thường hoặc thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

- Việc CBTT về ĐHĐCĐ bất thường thực hiện như CBTT về ĐHĐCĐ thường niên.

- Trường hợp lấy ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản, chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.

- Khi CBTT Công ty phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).

6. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu

a. Công ty CBTT về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

b. Công ty CBTT về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

7. CBTT trong các trường hợp đặc biệt khác như sau:

Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Công ty công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.

CHƯƠNG III: TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12: Thời điểm bắt đầu thực hiện và chấm dứt việc CBTT

Công ty thực hiện nghĩa vụ CBTT theo quy định kể từ thời điểm có tên trong danh sách Công ty đại chúng do Ủy ban chứng khoán Nhà nước công bố.

Điều 13: Tổ chức thực hiện

Giám đốc Công ty/Người được ủy quyền có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo các phòng chuyên môn và các cá nhân liên quan thực hiện nghiêm túc việc CBTT theo quy định.

Điều 14: Hiệu lực thi hành

1. Quy trình này gồm 03 chương, 14 điều, có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng quản trị quyết định ban hành và thay thế Quy trình Công bố thông tin ban hành kèm theo Quyết định số 123/QĐ-HĐQT ngày 31/7/2012.

2. Các nội dung không đề cập đến trong Quy trình này được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc thì Giám đốc trình Hội đồng quản trị xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. Mọi nội dung sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Quy chế này do Hội đồng Quản trị Công ty quyết định.